HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 27 tháng 3 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024, tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Tổng số vốn ngân sách địa phương năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của 175 công trình là 289.983,312 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 01 đính kèm)

1.1. Ngân sách cấp tỉnh (30 công trình): 81.387,644 triệu đồng, trong đó:

- Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 24.027,566 triệu đồng.
- Vốn thu từ xổ số kiến thiết: 1.318,827 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên: 56.041,251 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 02 đính kèm)

1.2. Ngân sách cấp huyện (145 công trình): 208.595,667 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Hàm Yên: 50.379,558 triệu đồng;
- Huyện Lâm Bình: 21.232,086 triệu đồng;
- Huyện Yên Sơn: 41.134,658 triệu đồng;
- Huyện Chiêm Hóa: 21.218,655 triệu đồng;
- Huyện Sơn Dương: 1.315,401 triệu đồng;
- Huyện Na Hang: 8.384,292 triệu đồng;
- Thành phố Tuyên Quang: 64.931,017 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 03 đính kèm)

2. Thời gian thực hiện và giải ngân: Không quá ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Mức vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trong năm 2024 không được vượt số vốn thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 còn lại chưa giải ngân của từng công trình, dự án tại Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và số vốn được thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (G).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Phạm Thị Minh Xuân

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KẾ HOẠCH VỐN NSĐP NĂM 2023	GIẢI NGÂN ĐẾN NGÀY 31/01/2024	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA GIẢI NGÂN	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA GIẢI NGÂN ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ (A+B)	**552.589,111**	**262.496,443**	**289.983,312**	**289.983,312**	
I	**VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**	**163.549,450**	**82.052,450**	**81.387,644**	**81.387,644**	**Chi tiết theo biểu số 02**
1	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	68.511,170	44.374,248	24.027,566	24.027,566	
3	Vốn thu từ Xổ số kiến thiết	15.306,570	13.987,743	1.318,827	1.318,827	
4	Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung vốn đầu tư	79.731,710	23.690,459	56.041,251	56.041,251	
-	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư giao đầu năm	79.731,710	23.690,459	56.041,251	56.041,251	
II	**VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**389.039,661**	**180.443,994**	**208.595,667**	**208.595,667**	**Chi tiết theo biểu số 03**
1	Huyện Hàm Yên	90.549,998	40.170,440	50.379,558	50.379,558	
2	Huyện Lâm Bình	36.395,703	15.163,617	21.232,086	21.232,086	
3	Huyện Yên Sơn	66.682,960	25.548,302	41.134,658	41.134,658	

STT	Nguồn vốn	KẾ HOẠCH VỐN NSĐP NĂM 2023	GIẢI NGÂN ĐẾN NGÀY 31/01/2024	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA GIẢI NGÂN	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA GIẢI NGÂN ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024	Ghi chú
4	Huyện Sơn Dương	2.692,113	1.376,712	1.315,401	1.315,401	
5	Huyện Chiêm Hóa	58.843,396	37.624,741	21.218,655	21.218,655	
6	Huyện Na Hang	11.730,310	3.346,018	8.384,292	8.384,292	
7	Thành phố Tuyên Quang	122.145,181	57.214,164	64.931,017	64.931,017	

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024, TỈNH TUYÊN QUANG (NGÂN SÁCH CẤP TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				Số vốn còn lại chưa giải ngân	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024				GHI CHÚ
			TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số giải ngân đến ngày 31/01/2024	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn NSĐP		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	TỔNG SỐ				**163.549,450**	**68.511,170**	**15.306,570**	**79.731,710**	**82.052,450**	**44.374,248**	**13.987,743**	**23.690,459**	**81.387,644**	**81.387,644**	**24.027,566**	**1.318,827**	**56.041,251**	
(1)	**UBND HUYỆN NA HANG**				**12.000,000**	**12.000,000**			**8.074,331**	**8.074,331**			**3.925,669**	**3.925,669**	**3.925,669**			
1	Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Kẻ xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	389/QĐ-UBND, 31/3/2016	88.200,00	28.200,00	5.000,000	5.000,000			3.017,806	3.017,806			1.982,194	1.982,194	1.982,194			
2	Dự án Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	1562/QĐ-UBND, 14/10/2021	80.000,00	12.000,00	7.000,000	7.000,000			5.056,525	5.056,525			1.943,475	1.943,475	1.943,475			
(2)	**UBND HUYỆN LÂM BÌNH**				**847,400**			**847,400**					**847,400**	**847,400**			**847,400**	
1	Xây dựng đường giao thông từ Trường Tiểu Học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	553/QĐ-UBND, 31/5/2021	98.000,00	23.265,00	847,400			847,400					847,400	847,400			847,400	
(3)	**UBND HUYỆN CHIÊM HÓA**				**2.000,000**	**2.000,000**			**1.806,828**	**1.806,828**			**193,172**	**193,172**	**193,172**			
1	Trụ sở UBND Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	919/QĐ-UBND, 21/7/2021	13.371,44	10.000,00	2.000,000	2.000,000			1.806,828	1.806,828			193,172	193,172	193,172			
(4)	**HUYỆN HÀM YÊN**				**33.200,000**	**3.000,000**	**2.200,000**	**28.000,000**	**4.302,352**	**2.531,609**	**1.370,743**	**400,000**	**28.897,648**	**28.897,648**	**468,391**	**829,257**	**27.600,000**	
1	Đường Yên Phú đi Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1179/QĐ-UBND, 19/8/2022	6.000,00	6.000,00	3.000,000	3.000,000			2.531,609	2.531,609			468,391	468,391	468,391			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				Số vốn còn lại chưa giải ngân	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024				GHI CHÚ
			TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số giải ngân đến ngày 31/01/2024	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn NSĐP		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2	Nâng cấp Trạm y tế xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1076/QĐ-UBND, 29/9/2023	2.200,00	2.200,00	2.200,000		2.200,000		1.370,743		1.370,743		829,257	829,257		829,257		
3	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, đoạn từ xã Tân Thành - xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên (khoảng 11km)	1263/QĐ-UBND, 03/11/2023	44.900,00	44.900,00	8.000,000			8.000,000	400,000			400,000	7.600,000	7.600,000			7.600,000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.02 từ xã Đức Ninh - Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.	10/QĐ-UBND, 15/01/2024	44.000,00	44.000,00	10.000,000			10.000,000					10.000,000	10.000,000			10.000,000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.05 từ xã Thái Sơn - Thành Long - Bằng Cốc - Nhân Mục, huyện Hàm Yên	341/QĐ-UBND, 11/9/2023; 505/QĐ-UBND, 21/12/2023	44.500,00	44.500,00	10.000,000			10.000,000					10.000,000	10.000,000			10.000,000	
(5)	**UBND HUYỆN YÊN SƠN**				**7.501,000**		**7.501,000**		**7.117,000**		**7.117,000**		**384,000**	**384,000**		**384,000**		
1	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng; nhà bán trú; phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ trường PTDT bán trú THCS Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	1705/QĐ-UBND, 04/11/2021	22.000,00	22.000,00	7.501,000		7.501,000		7.117,000		7.117,000		384,000	384,000		384,000		
(6)	**BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DD&CN**				**17.976,880**	**1.000,000**	**5.605,570**	**11.371,310**	**14.676,677**		**5.500,000**	**9.176,677**	**3.300,203**	**3.300,203**	**1.000,000**	**105,570**	**2.194,633**	
1	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa Kim Xuyên, huyện Sơn Dương	1308/QĐ-UBND, 09/9/2022	13.500,00	13.500,00	7.976,880		5.605,570	2.371,310	7.207,500		5.500,000	1.707,500	769,380	769,380		105,570	663,810	
2	Sửa chữa, cải tạo nhà điều trị 3 tầng, Nhà khám chữa bệnh 3 tầng thuộc Trung tâm y tế huyện Na Hang	473/QĐ-UBND, 15/5/2023	10.300,00	10.300,00	4.000,000			4.000,000	2.502,974			2.502,974	1.497,026	1.497,026			1.497,026	
3	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang	1099/QĐ-UBND, 05/10/2023	18.000,00	18.000,00	5.000,000			5.000,000	4.966,203			4.966,203	33,797	33,797			33,797	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				Số vốn còn lại chưa giải ngân	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024				GHI CHÚ
						Trong đó:				Trong đó:					Trong đó:			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Tổng số giải ngân đến ngày 31/01/2024	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn NSĐP														
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn do ADB tài trợ.	30/QĐ-UBND, 16/01/2024			1.000,000	1.000,000							1.000,000	1.000,000	1.000,000			
(7)	**BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NN&PTNT**				**563,65000**	**563,650**			**447,900**	**447,900**			**6,394**	**6,394**	**6,39400**			
1	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015	251.660,00	13.160,00	563,650	563,650			447,900	447,900			6,394	6,394	6,39400			
(8)	**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**				**20.000,000**			**20.000,000**	**678,682**			**678,682**	**19.321,318**	**19.321,318**			**19.321,318**	
1	Sửa chữa, mở rộng mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km184+510 - Km201+250 (ngã ba Năng Khả giao với QL279, huyện Na Hang đến chân đèo Ái Âu huyện Lâm Bình)	1640/QĐ-UBND, 28/12/2023	65.800,00	65.800,00	20.000,000			20.000,000	678,682			678,682	19.321,318	19.321,318			19.321,318	
(9)	**SỞ XÂY DỰNG**				**16.500,000**	**14.500,000**		**2.000,000**	**9.555,740**	**8.456,086**		**1.099,654**	**6.944,260**	**6.944,260**	**6.043,914**		**900,346**	
1	Lập quy hoạch chi tiết Mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang (giai đoạn 2)				1.000,000	1.000,000							1.000,000	1.000,000	1.000,000			
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị thuộc khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang				2.000,000			2.000,000	1.099,654			1.099,654	900,346	900,346			900,346	
2.1	*Khu nhà ở đô thị Phương Bắc*	*262/QĐ-SXD, 17/11/2023*	*815,817*	*815,817*	*250,000*			*250,000*	*192,270*			*192,270*	*57,730*	*57,730*			*57,730*	
2.2	*Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Yên*	*263/QĐ-SXD, 17/11/2023*	*486,979*	*486,979*	*150,000*			*150,000*	*116,751*			*116,751*	*33,249*	*33,249*			*33,249*	
2.3	*Khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm*	*264/QĐ-SXD, 17/11/2023*	*490,873*	*490,873*	*150,000*			*150,000*	*117,793*			*117,793*	*32,207*	*32,207*			*32,207*	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				Số vốn còn lại chưa giải ngân	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024				GHI CHÚ
			TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số giải ngân đến ngày 31/01/2024	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn NSĐP		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2.4	*Khu đô thị tại xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang*	*265/QĐ-SXD, 17/11/2023*	*1.818,021*	*1.818,021*	*600,000*			*600,000*					*600,000*	*600,000*			*600,000*	
2.5	*Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ỷ La*	*266/QĐ-SXD, 17/11/2023*	*980,615*	*980,615*	*300,000*			*300,000*	*227,100*			*227,100*	*72,900*	*72,900*			*72,900*	
2.6	*Khu đô thị tại phường Ỷ La*	*267/QĐ-SXD, 17/11/2023*	*1.184,455*	*1.184,455*	*300,000*			*300,000*	*275,040*			*275,040*	*24,960*	*24,960*			*24,960*	
2.7	*Chỉnh trang đô thị tổ dân phố cầu mới, thị trấn Tân Yên*	*268/QĐ-SXD, 17/11/2023*	*738,691*	*738,691*	*250,000*			*250,000*	*170,700*			*170,700*	*79,300*	*79,300*			*79,300*	
3	Lập Quy hoạch chung đô thị mới trên địa bàn tỉnh				13.500,000	13.500,000			8.456,086	8.456,086			5.043,914	5.043,914	5.043,914			
3.1	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình*	*33/QĐ-SXD, 08/3/2023*	*2.315,484*	*2.315,484*	*1.000,000*	*1.000,000*			*682,507*	*682,507*			*317,493*	*317,493*	*317,493*			
3.2	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương*	*34/QĐ-SXD, 08/3/2023*	*2.315,484*	*2.315,484*	*1.000,000*	*1.000,000*			*684,517*	*684,517*			*315,483*	*315,483*	*315,483*			
3.3	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn*	*35/QĐ-SXD, 08/3/2023*	*2.389,363*	*2.389,363*	*1.000,000*	*1.000,000*			*705,961*	*705,961*			*294,039*	*294,039*	*294,039*			
3.4	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn*	*37/QĐ-SXD, 08/3/2023*	*2.315,484*	*2.315,484*	*1.000,000*	*1.000,000*			*690,283*	*690,283*			*309,717*	*309,717*	*309,717*			
3.5	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa*	*38/QĐ-SXD, 08/3/2023*	*2.315,484*	*2.315,484*	*1.000,000*	*1.000,000*			*672,007*	*672,007*			*327,993*	*327,993*	*327,993*			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				Số vốn còn lại chưa giải ngân	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024				GHI CHÚ
			TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số giải ngân đến ngày 31/01/2024	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn NSĐP		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3.6	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương*	*39/QĐ-SXD, 10/3/2022*	*1.950,294*	*1.950,294*	*800,000*	*800,000*			*720,344*	*720,344*			*79,656*	*79,656*	*79,656*			
3.7	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn*	*40/QĐ-SXD, 10/3/2022*	*2.300,820*	*2.300,820*	*1.100,000*	*1.100,000*			*810,789*	*810,789*			*289,211*	*289,211*	*289,211*			
3.8	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên*	*41/QĐ-SXD, 10/3/2022*	*2.300,820*	*2.300,820*	*1.100,000*	*1.100,000*			*337,157*	*337,157*			*762,843*	*762,843*	*762,843*			
3.9	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên*	*42/QĐ-SXD, 10/3/2022*	*2.300,820*	*2.300,820*	*1.100,000*	*1.100,000*			*365,325*	*365,325*			*734,675*	*734,675*	*734,675*			
3.10	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa*	*43/QĐ-SXD, 10/3/2022*	*2.300,820*	*2.300,820*	*1.100,000*	*1.100,000*			*636,247*	*636,247*			*463,753*	*463,753*	*463,753*			
3.11	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Đà Vị, huyện Na Hang*	*45/QĐ-SXD, 10/3/2022*	*2.300,820*	*2.300,820*	*1.100,000*	*1.100,000*			*695,422*	*695,422*			*404,578*	*404,578*	*404,578*			
3.12	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình*	*46/QĐ-SXD, 10/3/2022*	*2.300,820*	*2.300,820*	*1.100,000*	*1.100,000*			*635,642*	*635,642*			*464,358*	*464,358*	*464,358*			
3.13	*Lập quy hoạch chung đô thị, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương*	*1591/QĐ-UBND, 18/10/2021*	*2.073,613*	*2.073,613*	*1.100,000*	*1.100,000*			*819,885*	*819,885*			*280,115*	*280,115*	*280,115*			
(10)	**SỞ TÀI CHÍNH**				**4.735,000**			**4.735,000**	**4.194,676**			**4.194,676**	**540,324**	**540,324**			**540,324**	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Khu di tích Bộ Tài chính thôn Đồng Tâm nối với đường ĐH,06 (Vinh Quang - Bình Nhân) tại Km4+100, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	661/QĐ-UBND, 09/6/2022	14.960,00	14.960,00	4.735,000			4.735,000	4.194,676			4.194,676	540,324	540,324			540,324	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				Số vốn còn lại chưa giải ngân	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024				GHI CHÚ
						Trong đó:				Trong đó:					Trong đó:			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Tổng số giải ngân đến ngày 31/01/2024	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn NSĐP														
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
(11)	**SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH**				**9.000,000**	**5.000,000**		**4.000,000**	**3.388,982**	**3.388,982**			**5.611,018**	**5.611,018**	**1.611,018**		**4.000,000**	
1	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	1135/QĐ-UBND, 20/8/2020	138.656,02	138.656,02	5.000,000	5.000,000			3.388,982	3.388,982			1.611,018	1.611,018	1.611,018			
2	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang	01/NQ-HĐND, 28/02/2023	90.000,00	5.000,00	3.000,000			3.000,000					3.000,000	3.000,000			3.000,000	
3	Quy hoạch bảo quản tu bổ phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang- Lâm Bình	1102/QĐ-UBND, 05/10/2023	1.000,00	1.000,00	1.000,000			1.000,000					1.000,000	1.000,000			1.000,000	
(12)	**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**				**5.000,000**	**5.000,000**			**424,917**	**424,917**			**4.575,083**	**4.575,083**	**4.575,083**			
1	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động cho hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2020-2025	683/QĐ-UBND, 11/11/2021	120.600,00	120.600,00	5.000,000	5.000,000			424,917	424,917			4.575,083	4.575,083	4.575,083			
(13)	**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**				**7.247,520**	**7.247,520**			**6.408,000**	**6.408,000**			**839,520**	**839,520**	**839,520**			
1	Dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	1487/QĐ-UBND, 30/10/2015	65.388,00	15.388,00	7.247,520	7.247,520			6.408,000	6.408,000			839,520	839,520	839,520			
(14)	**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**				**6.778,000**			**6.778,000**	**6.446,821**			**6.446,821**	**331,179**	**331,179**			**331,179**	
1	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang	1726/QĐ-VKS-VP, 20/10/2022	63.912,00	6.778,00	6.778,000			6.778,000	6.446,821			6.446,821	331,179	331,179			331,179	
(15)	**ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH TỈNH**				**4.000,000**	**4.000,000**			**168,750**	**168,750**			**3.831,250**	**3.831,250**	**3.831,250**			
1	Dự án xây dựng cổng, trạm gác bảo vệ hàng rào và thiết bị nội thất các phòng làm việc của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	1348/QĐ-UBND, 15/11/2023	5.000,00	5.000,00	4.000,000	4.000,000			168,750	168,750			3.831,250	3.831,250	3.831,250			
(16)	**VĂN PHÒNG TỈNH ỦY**				**200,000**	**200,000**							**200,000**	**200,000**	**200,000**			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023				Số vốn còn lại chưa giải ngân	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2024				GHI CHÚ
			TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số giải ngân đến ngày 31/01/2024	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn NSĐP		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	128/QĐ-UBND, 31/01/2023	37.280,00	37.280,00	200,000	200,000							200,000	200,000	200,000			
(17)	**BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN**				**14.000,000**	**14.000,000**			**12.666,846**	**12.666,846**			**1.333,154**	**1.333,154**	**1.333,154**			
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y, Dược cổ truyền Tuyên Quang	1423A/QĐ-UBND, 30/10/2015	76.218,00	17.000,00	14.000,000	14.000,000			12.666,846	12.666,846			1.333,154	1.333,154	1.333,154			
(18)	**BẢO TÀNG TỈNH**				**2.000,000**			**2.000,000**	**1.693,949**			**1.693,949**	**306,051**	**306,051**			**306,051**	
1	Bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia Bia Bảo Ninh Sùng Phúc, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.	2148/QĐ-UBND, 31/12/2021	3.269,24	3.269,24	2.000,000			2.000,000	1.693,949			1.693,949	306,051	306,051			306,051	

KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024, TỈNH TUYÊN QUANG (NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN)

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)		**1.315.973,939**	**-**	**389.039,661**	**180.443,994**	**208.595,667**	**208.595,667**	
I	**HUYỆN HÀM YÊN**		**120.304,149**	**-**	**90.549,998**	**40.170,440**	**50.379,558**	**50.379,558**	
1	Chỉnh trang đường qua trung tâm thị trấn Tân Yên (XD hệ thống thoát nước tô toa vỉa hè) huyện Hàm Yên	2495/QĐ-UBND, 20/10/2021	21.000,00		11.300,000	10.309,763	990,237	990,237	
2	Quy hoạch và xây dựng điểm dân cư thôn Phù Hương, xã Bạch Xa	5804/QĐ-UBND, 18/11/2022	204,15		100,000		100,000	100,000	
3	Đường giao thông thôn Cây Thông đi Cây Quéo, xã Hùng Đức	3720/QĐ-UBND, 29/8/2023	14.500,00		8.474,009	7.667,686	806,323	806,323	
4	Nâng cấp tuyến đường từ Km 26+600 Quốc lộ 2 đi trung tâm xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1160/QĐ-UBND, 06/5/2023	7.000,00		6.796,074	6.081,761	714,313	714,313	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	Xây dựng cở sở hạ tầng ổn định dân cư thôn 6 Minh Tiến, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	1891/QĐ-UBND, 23/5/2023	10.000,00		3.684,915	3.617,846	67,069	67,069	
6	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh tại xã Minh Dân để xử lý rác thải của 8 xã phía Bắc của huyện, huyện Hàm Yên (giai đoạn 2)	1816/QĐ-UBND, 08/5/2023	12.000,00		11.595,000	540,100	11.054,900	11.054,900	
7	Xây dựng, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng tại các trục đường chính, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	2718/QĐ-UBND, 15/6/2023	15.000,00		12.000,000	2.644,320	9.355,680	9.355,680	
8	Nâng cấp trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn	1892/QĐ-UBND, 23/5/2023	5.000,00		5.000,000	4.465,236	534,764	534,764	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến dường ĐĐT. 06 (đoạn từ Nhà Văn hóa Tân Phú đến nghĩa trang Đồng Bàng, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên) và tuyến đường vào nhà văn hóa tổ dân phố Tân An	1661/QĐ-UBND, 06/5/2023	7.000,00		7.000,000	2.897,092	4.102,908	4.102,908	
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Tổ dân phố Ba Trăng, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (đoạn Km 172+700-QL2) (Giai đoạn 2)	3795/QĐ-UBND, 28/12/2021	1.800,00		1.800,000	1.782,236	17,764	17,764	
11	Cải tạo nâng cấp tuyến đường đô thị, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	3289/QĐ-UBND, 31/7/2023	5.000,00		1.000,000	164,400	835,600	835,600	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Trường Mầm non Minh Hương, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5845/QĐ-UBND, 04/12/2023	2.000,00		2.000,000		2.000,000	2.000,000	
13	Trường Tiểu học Minh Quang, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5846/QĐ-UBND, 04/12/2023	2.000,00		2.000,000		2.000,000	2.000,000	
14	Trường THCS Minh Tiến, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5850/QĐ-UBND, 04/12/2023	2.800,00		2.800,000		2.800,000	2.800,000	
15	Trường THCS Minh Quang, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5849/QĐ-UBND, 04/12/2023	1.000,00		1.000,000		1.000,000	1.000,000	
16	Đường trục xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5851/QĐ-UBND, 04/12/2023	2.500,00		2.500,000		2.500,000	2.500,000	
17	Trường Mầm non Hùng Đức, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5847/QĐ-UBND, 04/12/2023	2.000,00		2.000,000		2.000,000	2.000,000	
18	Trường THCS Hùng Đức, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5848/QĐ-UBND, 04/12/2023	3.000,00		3.000,000		3.000,000	3.000,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	Trường Mầm non Thành Long, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5842/QĐ-UBND, 4/12/2023	2.000,00		2.000,000		2.000,000	2.000,000	
20	Trường Tiểu học Thành Long, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5843/QĐ-UBND, 4/12/2023	2.000,00		2.000,000		2.000,000	2.000,000	
21	Trường THCS Thành Long, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5844/QĐ-UBND, 4/12/2023	2.000,00		2.000,000		2.000,000	2.000,000	
22	Nâng cấp nhà văn hóa xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	5841/QĐ-UBND, 4/12/2023	500,00		500,000		500,000	500,000	
II	**HUYỆN LÂM BÌNH**		**164.337,67**	**-**	**36.395,703**	**15.163,617**	**21.232,086**	**21.232,086**	
1	Xây dựng chợ xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	1628/QĐ-UBND, 04/10/2021	3.500,00		67,873		67,873	67,873	
2	Xây dựng chợ xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	1628/QĐ-UBND, 04/10/2021	3.500,00		67,374	-	67,374	67,374	
3	Nhà hiệu bộ trường tiểu học Minh Quang, xã Minh Quang	2007/QĐ-UBND, 08/11/2022	3.800,00		2.450,430	2.307,054	143,376	143,376	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Trồng hoa, cây xanh tại khu vực Nà Tông, xã Thượng Lâm và khu vực đèo Khau Lắc, tổ dân phố Nà Mèn, thị trấn Lăng Can	110aQĐ-UBND, 15/02/2023	6.000,00		5.650,000	5.529,879	120,121	120,121	
5	Trồng hoa, cây xanh tại khu vực Nà Tông, xã Thượng Lâm và khu vực đèo Khau Lắc, tổ dân phố Nà Mèn, thị trấn Lăng Can	110aQĐ-UBND, 15/02/2023	6.000,00		350,000	-	350,000	350,000	
6	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thôn Lũng Giềng 1, xã Xuân Lập	594/QĐ-UBND, 29/6/2022	2.500,00		700,000	616,568	83,432	83,432	
7	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thôn Lũng Giềng 1, xã Xuân Lập	594/QĐ-UBND, 29/6/2022	2.500,00		650,000	-	650,000	650,000	
8	Chỉnh trang không gian cảnh quan khu vực trung tâm hành chính - chính trị huyện Lâm Bình	552/QĐ-UBND, 20/5/2021	1.100,00		11,690	-	11,690	11,690	
9	Xây dựng các hạng mục phụ trợ vườn hoa trung tâm huyện Lâm Bình	551/QĐ-UBND, 20/5/2021	1.100,00		14,977	-	14,977	14,977	
10	Trụ sở UBND xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình	231/QĐ-UBND, 17/5/2021	13.690,00		2.500,000	1.929,653	570,347	570,347	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông từ cầu Ta Tè thôn Nặm Díp xã Lăng Can đến chân đèo Kéo Nàng xã Khuôn Hà (giai đoạn 1)	1170/QĐ-UBND, 31/7/2020	40.427,18		6.000,000	-	6.000,000	6.000,000	
12	Nâng cấp cải tạo chợ xã Lăng Can	1434/QĐ-UBND, 10/10/2019	14.969,46		500,000	-	500,000	500,000	
13	Lắp đặt cửa đi, cửa sổ Nhà công vụ huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà công vụ 02 tầng xây mới)	595/QĐ-UBND, 27/4/2020	1.194,07		97,841	-	97,841	97,841	
14	Lắp đặt thiết bị vệ sinh Nhà công vụ huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà công vụ 02 tầng và Nhà bếp ăn)	615/QĐ-UBND, 04/5/2020	870,42		75,759	-	75,759	75,759	
15	Lắp đặt cửa đi, cửa sổ và thiết bị vệ sinh Nhà công vụ huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà khách 09 phòng)	575/QĐ-UBND, 22/4/2020	1.193,88		102,373	-	102,373	102,373	
16	Hỗ trợ làm vỉa hè khu Chợ Lăng Can đoạn từ Táng Khăm đến chân đèo Kéo Quân, thôn Nà Khà, xã Lăng Can	1654/QĐ-UBND, 04/11/2019	3.332,96		33,144	-	33,144	33,144	
17	Cải tạo, mở rộng sân vận động huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	1826a/QĐ-UBND, 26/10/2020	1.773,20		43,866	-	43,866	43,866	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	Xây dựng đường lên khu sản xuất chè Khau Mút, xã Thổ Bình	2910a/QĐ-UBND, 14/12/2020	9.415,56		141,534	-	141,534	141,534	
19	Đường giao thông từ Táng Khăm đến cầu Táng Heo thôn Nà Khà xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	2154/QĐ-UBND, 04/12/2020	10.500,00		500,000	-	500,000	500,000	
20	Dự án đầu tư xây dựng công trình phòng chống ngập cho trường THPT Lâm Bình	541/QĐ-UBND, 20/5/2021	11.000,00		2.000,000	-	2.000,000	2.000,000	
21	Trồng cây xanh cảnh quan tại khuôn viên nhà công vụ và di chuyển cây xanh ra khỏi một số vị trí trung tâm huyện Lâm Bình	549/QĐ-UBND, 20/5/2021	750,00		400,000	-	400,000	400,000	
22	Xây dựng khẩn cấp kè bờ suối Nặm Chang do thiên tai gây ra (đoạn sạt lở phía thượng lưu cầu Bản Khiển), thị trấn Lăng Can	114a/QĐ-UBND, 03/6/2022	1.000,00		482,104	446,175	35,929	35,929	
23	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030	1160/QĐ-UBND, 10/8/2022	1.564,96		756,738		756,738	756,738	
24	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư Xây dựng bến xe khách huyện Lâm Bình	2046/QĐ-UBND, 27/12/2023	460,00		150,000		150,000	150,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, đường giao thông và bãi rác xã Phúc Yên	689/QĐ-UBND, 28/6/2023	5.000,00		3.150,000	3.023,288	126,712	126,712	
26	Trồng cây xanh cảnh quan hai bên tuyến đường giao thông từ Trường Tiểu học Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	78/QĐ-UBND, 30/5/2023	5.000,00		1.500,000	1.311,000	189,000	189,000	
27	Trồng cây xanh cảnh quan hai bên tuyến đường giao thông từ Trường Tiểu học Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	78/QĐ-UBND, 30/5/2023	5.000,00		3.500,000	-	3.500,000	3.500,000	
28	Xây dựng mới nhà lớp học Trường tiểu học Minh Quang (điểm trường Bản Đồn), xã Minh Quang	1865/QĐ-UBND, 27/11/2023	3.696,00		1.000,000	-	1.000,000	1.000,000	
29	Khắc phục hậu quả thiên tai trên tuyến đường tỉnh ĐT.185, ĐT.188 thuộc địa phận huyện Lâm Bình (do ảnh hưởng của mưa, lũ từ ngày 16/8 đến ngày 17/8/2023)	2046/QĐ-UBND, 27/12/2023	2.500,00		2.500,000	-	2.500,000	2.500,000	
30	Công sự trận địa súng máy phòng không 12,7mm	1899/QĐ-UBND, 30/12/2023	1.000,00		1.000,000		1.000,000	1.000,000	
III	**HUYỆN YÊN SƠN**		**141.596,09**	**-**	**66.682,960**	**25.548,302**	**41.134,658**	**41.134,658**	
1	Trường mầm non trung tâm xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2418/QD-UBND, 10/05/2022	14.885,33		7.719,960	7.699,393	20,567	20,567	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Đường trung tâm tổ dân phố Đồng Lương, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	4671/QĐ-UBND, 07/08/2023	5.000,00		1.500,000	1.460,000	40,000	40,000	
3	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường mầm non Xuân Vân, huyện Yên Sơn	198/QĐ-UBND, 17/05/2021	12.684,21		7.000,000	6.266,785	733,215	733,215	
4	Đường giao thông từ thôn Đèo Trám, xã Tiến Bộ đi thôn Lương Cải xã Công Đa, huyện Yên Sơn	198/QĐ-UBND, 10/05/2022	14.861,91		8.000,000		8.000,000	8.000,000	
5	XD tuyến đường trục chính D2 từ khu trung tâm huyện nối với đường ĐH 17 tại thôn Nghĩa Trung, TT Yên Sơn (GĐ 5)	123/QĐ-UBND, 03/11/2022	14.946,36		1.150,000		1.150,000	1.150,000	
6	XD đường giao thông từ Km 145+500 QL2 nối đến đường Quang Trung kéo dài thuộc tổ dân phố Nghĩa Trung, TT Yên Sơn	08/QĐ-UBND 04/11/2022	14.890,57		6.000,000		6.000,000	6.000,000	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tổ dân phố Nghĩa trung, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 1).	272/QĐ-UBND, 13/09/2022	14.014,71		1.000,000	899,500	100,500	100,500	
8	Đường ĐH 17 đi tổ dân phố Văn Lập, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	4348/QĐ-UBND, 28/07/2023	8.500,00		5.500,000	2.075,000	3.425,000	3.425,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	Xây dựng đường giao thông từ QL2D (xã Nhữ Khê) đi khu thôn Đồng Giàn, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	3235/QĐ-UBND, 06/07/2023	8.500,00		5.500,000	3.756,000	1.744,000	1.744,000	
10	Đường trung tâm tổ dân phố Đồng Lương, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	4671/QĐ-UBND, 07/08/2023	5.000,00		3.000,000	2.210,000	790,000	790,000	
11	Đường giao thông từ tổ dân phố Hòn Lau, thị trấn Yên Sơn đi thôn Đồng Bài, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	4669/QĐ-UBND, 07/08/2023	10.000,00		6.000,000		6.000,000	6.000,000	
12	Đường giao thông thôn Lương Cải, xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	666/QĐ-UBND, 21/12/2021	5.500,000		5.500,000		5.500,000	5.500,000	
13	Đường giao thông thôn từ thôn Lè đi thôn Bum Kẹn, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	295/QĐ-UBND, 28/09/2023	5.500,00		5.500,000		5.500,000	5.500,000	
14	Công trình nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá thôn Cửa Lần, xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	8428/QĐ-UBND, 29/12/2023	150,00		150,000		150,000	150,000	
15	Công trình nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá thôn Đồng Thọ Xuân, xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	8428/QĐ-UBND, 29/12/2023	150,00		150,000		150,000	150,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	Công trình nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá thôn Phú Bình xã Phú bình huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang	8429/QĐ-UBND, 29/12/2023	150,00		150,000		150,000	150,000	
17	Xây dựng nhà văn hoá thôn Yên Vân, xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	8430/QĐ-UBND, 29/12/2023	300,00		300,000		300,000	300,000	
18	Công trình xây dựng nhà văn hoá thôn Hoà Bình xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	8429/QĐ-UBND, 29/12/2023	300,00		300,000		300,000	300,000	
19	Công tác chuẩn bị đầu tư Dự án sân gôn Mimosa tại xã Nhữ Khê và xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	1596/QĐ-UBND, 20/12/2023	5.000,00		1.000,000		1.000,000	1.000,000	
20	Thực hiện dự án bê tông xi măng theo NQ 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020	4693/QĐ-UBND, 09/8/2023	1.263,00		1.263,000	1.181,624	81,376	81,376	
IV	**HUYỆN CHIÊM HÓA**		**225.501,06**	**-**	**58.843,40**	**37.624,74**	**21.218,655**	**21.218,655**	
1	Nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Xuân Quang	1300/QĐ-UBND, 07/4/2023	3.500,00		2.500,000	2.240,762	259,238	259,238	
2	Cầu tràn liên hợp và đường dẫn nội thôn Khuôn Làn, xã Tri Phú	4381/QĐ-UBND, 26/9/2023	2.500,00		835,713	773,014	62,699	62,699	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Nhà văn hóa thôn Khuôn Làn và các hạng mục phụ trợ xã Tri Phú	4792/QĐ-UBND, 08/10/2023	1.000,00		600,000	567,529	32,471	32,471	
4	Đường dây 0,4KW khu dân cư Khuân Ngoai, Pác Hóp, xã Linh Phú	4382/QĐ-UBND, 26/9/2023	400,00		400,000	112,301	287,699	287,699	
5	Dự toán Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2273/QĐ-UBND, 20/6/2023	781,91		168,037	77,547	90,490	90,490	
6	Phòng học trường TH Hà Lang , xã Hà Lang (đối ứng vốn tài trợ)	176/QĐ-UBND, 25/01/2021	2.500,00		324,273	277,084	47,189	47,189	
7	Xây dựng cơ sở Hạ tầng khu xử lý rác thải huyện Chiêm Hóa (Giai đoạn 1)	4729/QĐ-UBND, 05/10/2023	6.000,00		1.700,000		1.700,000	1.700,000	
8	XDCS VC trường THCS Vĩnh lộc	2236/QĐ-UBND, 13/7/2021	5.000,00		2.596,306	2.338,711	257,595	257,595	
9	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Vĩnh Lộc, TT Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2181/QĐ-UBND, 10/6/2023	5.000,00		4.300,000	4.214,000	86,000	86,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Điểm dân cư đường Đồng luộc- Phúc Hương, TT Vĩnh Lộc	2802/QĐ-UBND, 01/8/2023	14.900,00		5.948,716	5.543,884	404,832	404,832	
11	Sân thể thao TT xã Hùng Mỹ	1018/QĐ-UBND, 21/3/2023	200,00		180,000	109,769	70,231	70,231	
12	Trụ sở UB xã TT Vĩnh Lộc	1215/QĐ-UBND, 14/8/2021	14.900,00		267,342	-	267,342	267,342	
13	Cải tạo, nâng cấp đường từ giáp Quốc lộ 3B đi thôn Phúc An xã Tân Thịnh	3469/QĐ-UBND, 28/6/2022	13.500,00		1.059,362	708,041	351,321	351,321	
14	Đường Đồng Luộc - Phúc Hương	5304/QĐ-UBND, 19/12/2021	82.730,24		7.372,293		7.372,293	7.372,293	
15	Xây dựng cơ sở vật chất Trường TH Hùng Mỹ, xã Hùng Mỹ	1108/QĐ-UBND, 27/3/2023	13.018,50		8.814,539	8.337,542	476,997	476,997	
16	Xây dựng khu B chợ trung tâm huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2480/QĐ-UBND, 05/7/2023	11.770,00		8.600,000	7.048,000	1.552,000	1.552,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	Cải tạo, sửa chữa công trình nhà lớp học 02 tầng và xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT THCS Hùng Mỹ, xã Hùng Mỹ	691/QĐ-UBND, 13/3/2023	3.199,84		1.400,000	1.239,600	160,400	160,400	
18	Trụ sở làm việc của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Chiêm Hóa	2514/QĐ-UBND, 29/5/2018	16.215,99		600,000	392,423	207,577	207,577	
19	Lắp dựng đèn chiếu sáng đô thị, trồng cây xanh thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang	4027/QĐ-UBND, 30/8/2023	9.500,00		4.442,288		4.442,288	4.442,288	
20	Dự toán Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1848/QĐ-UBND, 10/5/2023	695,39		683,652	630,335	53,317	53,317	
21	Xây mới NVH tổ dân phố Vĩnh Tài, TT Vĩnh Lộc	147/QĐ-UBND 31/12/2023	668,78		200,000		200,000	200,000	
22	Xây mới NVH thôn Yên Cốc, xã Yên Nguyên	144/QĐ-UBND, 28/12/2023	500,00		300,000		300,000	300,000	
23	Xây mới NVH thôn Vũ Hải Đường, xã Phú Bình	268/QĐ-UBND, 29/12/2023	545,00		300,000		300,000	300,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24	SC, NC NVH thôn Bản Đâng, xã Ngọc Hội	103/QĐ-UBND, 21/12/2023	155,02		150,000		150,000	150,000	
25	SC, NC NVH thôn Nà Bây, xã Ngọc Hội	104/QĐ-UBND, 21/12/2023	150,00		150,000		150,000	150,000	
26	SC, NC NVH thôn Cầu Cả, xã Yên Nguyên	145/QĐ-UBND, 28/12/2023	150,00		150,000		150,000	150,000	
27	SC, NC NVH thôn Vĩnh An, xã Yên Nguyên	146/QĐ-UBND, 28/12/2023	150,00		150,000		150,000	150,000	
28	SC, NC NVH thôn Bản Ba 1, xã Trung Hà	219/QĐ-UBND, 22/12/2023	150,00		150,000		150,000	150,000	
29	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1897/QĐ-UBND, 19/5/2023	3.574,38		319,613	118,999	200,614	200,614	
30	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1896/QĐ-UBND, 19/5/2023	336,06		112,267	101,800	10,467	10,467	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1900/QĐ-UBND, 19/5/2023	397,69		126,708	114,800	11,908	11,908	
32	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1871/QĐ-UBND, 17/5/2023	2.451,22		974,236	898,312	75,924	75,924	
33	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1870/QĐ-UBND, 17/5/2023	1.510,45		552,261	422,297	129,964	129,964	
34	Dự toán Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2125/QĐ-UBND, 01/6/2023	1.459,60		475,620	372,600	103,020	103,020	
35	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2124/QĐ-UBND, 01/6/2023	2.606,00		824,188	648,000	176,188	176,188	
36	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2116/QĐ-UBND, 319/5/2023	290,30		105,874	89,200	16,674	16,674	
37	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1930/QĐ-UBND, 25/5/2023	221,25		65,929	51,701	14,228	14,228	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, TT Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1865/QĐ-UBND, 15/5/2023	428,34		148,742	136,490	12,252	12,252	
39	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1861/QĐ-UBND, 15/5/2023	2.050,89		667,197		667,197	667,197	
40	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2023, xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	1859/QĐ-UBND, 15/5/2023	394,21		128,240	60,000	68,240	68,240	
V	**HUYỆN SƠN DƯƠNG**		**6.050,000**	**-**	**2.692,113**	**1.376,712**	**1.315,401**	**1.315,401**	
1	Xây dựng căn cứ chiến đấu giải định huyện	40/QĐ-UBND, 07/8/2023	5.000,000		1.642,113	1.376,712	265,401	265,401	
2	Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa nhà VH thôn gắn với sân thể thao và khuân viên trên địa bàn xã Hợp Hòa	1413/QĐ-UBND, 21/11/2023	1.050,000		1.050,000	-	1.050,000	1.050,000	
VI	**HUYỆN NA HANG**		**44.710,000**	**-**	**11.730,310**	**3.346,018**	**8.384,292**	**8.384,292**	
1	Quy hoạch chi tiết khu Thương mại - Dịch vụ tại đồi Đòn, thôn Khâu Tràng, xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	75/QĐ-UBND, 03/4/2023	450,000		50,000	-	50,000	50,000	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Mầm non Năng Khả	393/QĐ-UBND, 23/8/2022	260,000		50,000	23,078	26,922	26,922	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Đường Hang Khào đi qua Lũng Trúc đến thôn Lũng Giang, xã Năng Khả, huyện Na Hang	Số 483/QĐ-UBND, 10/11/2021	44.000,000		11.630,310	3.322,940	8.307,370	8.307,370	
VII	**THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG**		**613.474,97**	**-**	**122.145,181**	**57.214,164**	**64.931,017**	**64.931,017**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ khu tái định cư tổ 4, phường Mỹ Lâm đến đường hạ tầng kỹ thuật khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	83/QĐ-UBND, 02/3/2022	3.350,67		902,234	664,822	237,412	237,412	
2	Bồi thường và xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư trục đường Quốc lộ 2, từ đường vào Viên Châu đến giáp ngã ba đi Đồng Thắm thuộc xã An Tường, TPTQ (gđ 2,3,4)	2659/QĐ-UBND, 30/12/2016	59.493,12		120,000	-	120,000	120,000	
3	Hạ tầng khu dân cư Lý Thái Tổ, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	2400/QĐ-UBND, 25/8/2017	38.558,08		3.600,000	-	3.600,000	3.600,000	
4	Hạ tầng khu dân cư Đông Sơn, phường Ỷ La, thành phố Tuyên Quang	2181/QĐ-UBND, 18/9/2018	14.976,71		1.700,000	1.171,720	528,280	528,280	
5	Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng khu dân cư bao bọc ba đường: Quang Trung, Phan Thiết và đường 17/8, phường Phan Thiết, TPTQ	3652/QĐ-UBND, 19/12/2017	14.670,84		3.000,000	18,192	2.981,808	2.981,808	
6	Quy hoạch, xây dựng khu dân cư Tân Phát, phường Ỷ La, thành phố Tuyên Quang (giai đoạn 2)	68/QĐ-UBND, 19/3/2021	24.638,16		8.000,000	5.052,000	2.948,000	2.948,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Quy hoạch, xây dựng khu dân cư tổ 13, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	4278/QĐ-UBND, 7/11/2022	50.080,97		3.000,000	1.891,970	1.108,030	1.108,030	
8	Quy hoạch, xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	77/QĐ-UBND, 07/4/2020	23.935,26		3.900,000	2.138,252	1.761,748	1.761,748	
9	Quy hoạch, xây dựng Trường Mầm non Kim Phú, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	68/QĐ-UBND, 31/3/2020	35.318,92		10.306,699	8.636,699	1.670,000	1.670,000	
10	Xây dựng hạ tầng khu dân cư xóm 14, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	60/NQ-HĐND, 28/9/2021	98.218,00		19.100,000	12.201,375	6.898,625	6.898,625	
11	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tổ 14, 15, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	265/QĐ-UBND, 12/7/2021	34.901,42		11.000,000	4.720,739	6.279,261	6.279,261	
12	Nhà lớp học Trường THCS Phan Thiết, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	287/QĐ-UBND, 20/7/2021	12.127,35		5.283,337	5.241,000	42,337	42,337	
13	Quy hoạch, xây dựng khu dân cư thôn 4, thôn 5, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	437/QĐ-UBND, 12/8/2022	59.718,00		10.000,000	21,000	9.979,000	9.979,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	Nhà lớp học Trường THCS Trần Phú, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	534/QĐ-UBND, 20/10/2021	11.856,78		5.500,000	4.317,800	1.182,200	1.182,200	
15	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Phạm Văn Đồng qua trụ sở tiếp dân tỉnh đến đường Tôn Đức Thắng, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	3161/QĐ-UBND, 31/8/2022	6.135,27		2.500,000	-	2.500,000	2.500,000	
16	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hai bên đường Quang Trung (từ ngõ 549 đến phố Hà Tuyên), đường Phan Thiết, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	110/QĐ-UBND, 23/3/2022	2.651,90		450,000	-	450,000	450,000	
17	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Chiến Thắng Sông Lô, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang	2952/QĐ-UBND, 11/8/2022	1.960,95		800,000	-	800,000	800,000	
18	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư dọc Quốc lộ 2 (đoạn từ Công ty 232 đến Cầu Móc Rằng)	422/QĐ UBND, 04/8/2022	1.743,29		579,000	-	579,000	579,000	
19	Cải tạo, nâng cấp Hồ Minh Tân, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang	109/QĐ-UBND, 23/03/2022	5.651,79		2.400,000	-	2.400,000	2.400,000	
20	Xây dựng chỉnh trang vườn hoa, cây xanh tổ 4, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (QĐ 100)	85/QĐ-UBND, 04/3/2022	6.032,99		2.500,000	1.548,243	951,757	951,757	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Xây dựng hạ tầng điểm tập kết, mua bán, trung chuyển hàng hóa phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang (QĐ 100)	37/QĐ-UBND, 16/3/2023	5.483,54		2.300,000	-	2.300,000	2.300,000	
22	Lắp đặt, thay thế, bổ sung biển tên đường, phố; biển ngõ, ngách; biển báo hiệu đường bộ; biển số nhà trên địa bàn thành phố Tuyên Quang	118/QĐ-UBND, 16/4/2021	7.726,53		1.500,000	-	1.500,000	1.500,000	
23	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông trục ngõ, thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Tuyên Quang	64/QĐ-UBND, 04/4/2023	508,43		1.500,000	1.430,000	70,000	70,000	
24	Đường trung tâm phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang	1974/QĐ-UBND, 21/5/2020	-		6.400,000	320,000	6.080,000	6.080,000	
25	Đường từ thôn Liên Thịnh, xã Lưỡng Vượng đi Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	629/QĐ-UBND, 31/12/2019	29.500,00		6.693,359	4.390,000	2.303,359	2.303,359	
26	Xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường Hưng Thành	04/QĐ-UBND, 10/01/2023	2.000,00		2.000,000	1.538,020	461,980	461,980	
27	Giải phóng mặt bằng, lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu nhà ở Hưng Thành	112/QĐ-UBND, 26/5/2023	59.986,00		5.000,000		5.000,000	5.000,000	
28	Xây dựng mô hình lớp học thông minh, phòng học trực tuyến năm 2021	64/QĐ-UBND, 04/4/2023	2.250,00		2.110,552	1.912,332	198,220	198,220	